

QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC “CHÚ Ý ĐẾN CUỘC SỐNG CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI” THEO LỜI CĂN DẶN CỦA BÁC

PGS.TS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

1. Sự quan tâm của Bác Hồ đối với đồng bào dân tộc - đồng bào miền núi và lời căn dặn của Người đối với Đảng bộ tỉnh Quảng Bình phải “chú ý đến cuộc sống của đồng bào miền núi”

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Các dân tộc thiểu số (DTTS) cư trú trên diện tích rộng lớn tới ¾ lãnh thổ của cả nước, chủ yếu ở khu vực miền núi, biên giới. Nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của địa bàn vùng miền núi và dân tộc ít người trong sự nghiệp cách mạng của cả nước, từ rất sớm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao vai trò và vị trí của các dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp chung của đất nước. Người luôn coi đoàn kết dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam, một chân lý trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng, trong xây dựng và phát triển đất nước. Trong bản Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp của nhà nước Việt Nam mới, Người chỉ rõ: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc anh em trong nước ta gắn bó ruột thịt với nhau trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp”.⁽¹⁾ Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam, Người viết: “Ngày nay nước Việt Nam là chung của chúng

ta... Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thường xuyên thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt”.⁽²⁾ Qua những lời kêu gọi, thư gửi tới các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng như trong các buổi nói chuyện, Người luôn luôn nhắc nhở: “Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; Ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà”.⁽³⁾ Người luôn tìm cách động viên, khuyến khích đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp cách mạng chung của cả nước. Người chỉ rõ: “Dưới chế độ thực dân và phong kiến, đồng bào rẻo cao sống rất cực khổ. Ngày nay đồng bào rẻo cao được tự do bình đẳng, không bị áp bức bóc lột như trước kia. Nhưng đời sống vật chất chưa được nâng cao mấy. Đó là vì cán bộ lãnh đạo không chú ý đầy đủ đến đồng bào rẻo cao. Bác thay mặt Trung ương và Chính phủ giao cho cán bộ từ tỉnh đến xã phải ra sức giúp đỡ hơn nữa đồng bào rẻo cao về mọi mặt. Đồng bào tất cả các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ, phải thương yêu giúp đỡ lẫn nhau như anh em trong một

¹Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, H, 2000, tr.587.

²Sđd, nt, tập 6, tr.560.

³Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9, Nxb CTQG, H, 2000, tr.587.

nhà”.⁽⁴⁾ Trong những bức thư, những buổi nói chuyện với cán bộ và nhân dân, với phụ nữ và các cháu học sinh, Bác thường nhắc nhở tới tình đoàn kết, tới việc chăm lo đời sống cho đồng bào, căn dặn đồng bào tích cực xây dựng đời sống mới: “Trước hết, tất cả các dân tộc, bất kỳ to hay là nhỏ, đều phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ nhau như anh em một nhà. Hai là, đồng bào phải ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để làm cho mọi người áo ấm cơm no. Muốn như vậy, đồng bào vùng thấp cũng như vùng rẻo cao, phải tổ chức nhau lại thành tổ đối công và hợp tác xã.”⁽⁵⁾ Và: “Bây giờ các dân tộc đều là anh em cả. Dân tộc nào đông hơn, nhiều người hơn, tiến bộ hơn thì phải giúp đỡ các dân tộc khác để đều tiến bộ...”⁽⁶⁾

Sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam hành động và là đường lối cách mạng xuyên suốt của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam khẳng định, các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng và Chính phủ sẽ hết sức giúp đỡ các dân tộc thiểu số về mọi mặt. Ngay sau đó, trong Chính phủ, Nhà Dân tộc thiểu số được thành lập “để chăm sóc cho tất cả đồng bào”. Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng tiếp tục đề ra những chính sách nhằm thực hiện bình đẳng dân tộc. Tháng 8/1952, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về dân tộc. Tiếp đó, tháng 6/1953, Chính phủ đã ban hành chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam với tinh thần cơ bản là đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ lẫn nhau. Các hiến pháp của nước ta cũng khẳng định quyền bình đẳng của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và được cụ thể hóa bằng chính sách dân tộc qua các thời kỳ của cách mạng.

Năm 1957, trong bối cảnh đất nước tạm

thời bị chia cắt, cách mạng miền Nam đang gặp phải muôn vàn khó khăn, thử thách của quá trình tìm con đường cách mạng trong điều kiện lịch sử khắc nghiệt, cách mạng miền Bắc đang từng bước tiến hành sửa sai sau những sai lầm của cải cách ruộng đất và tiến hành khôi phục kinh tế sau chiến tranh, Bác Hồ đã dành thời gian về thăm tỉnh Quảng Bình. Cuộc làm việc đầu tiên ở Quảng Bình với các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, Bác hỏi tỉ mỉ về công tác xây dựng Đảng, số lượng đảng viên, tình hình đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân sau sửa sai, tình đoàn kết giữa đồng bào lương và đồng bào giáo; giữa miền xuôi và miền ngược; giữa vùng mới giải phóng và vùng tự do, giữa nhân dân địa phương và cán bộ, bộ đội, đồng bào miền Nam ra tập kết, về tình hình khôi phục và phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh... Bác dành nhiều tình cảm với chị em phụ nữ, với các cháu thiếu niên nhi đồng, các cụ phụ lão và đồng bào miền núi. Người thường xuyên nhấn mạnh đoàn kết nhân dân, đoàn kết càng cao, thành tích càng nhiều, thắng lợi càng lớn. Đặc biệt, Người hỏi kỹ về đời sống nhân dân. Sau khi nghe các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo cụ thể tình hình địa phương, Bác căn dặn: “Đảng phải biết quan tâm đầy đủ đến đời sống quần chúng, *nên chú ý đến cuộc sống của đồng bào miền núi (TG nhấn mạnh)*. Các chú quan tâm đến sản xuất nông nghiệp là tốt, nhưng cần chú ý tổ chức cơ sở cho nền công nghiệp địa phương, trong lãnh đạo kinh tế phải đi hai chân: nông nghiệp và công nghiệp... Cần phải về cơ sở luôn, có đi nhiều mới nắm được tình hình để giải quyết, không đi không biết tình hình mà giải quyết đâu. *Cần chú ý tổ chức cho nhân dân học tập, nhất là đồng bào ít người (TG nhấn mạnh)*, vùng mới giải phóng và chị em phụ nữ mấy lâu nay chưa được học. Dân ta phải văn minh, muốn văn minh phải có văn hóa. Bác

⁴Sđd, nt, tập 10, tr.323.

⁵Sđd, nt, tập 10, tr.326.

⁶Sđd, nt, tập 10, tr.460.

bảo: “Đảng làm cách mạng không có mục đích nào khác hơn và đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân”.⁽⁷⁾

Như vậy, ngay cuộc làm việc đầu tiên sáng ngày 16/6/1957 với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, điều mà Người quan tâm xác định trách nhiệm của cấp lãnh đạo cao nhất tỉnh trước hết là đời sống của nhân dân, trong đó Người nhấn mạnh vùng đồng bào miền núi, đồng bào dân tộc ít người và không phải chỉ chăm lo đến đời sống vật chất mà còn nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS ở Quảng Bình tự vươn lên, đóng góp cho quê hương.

Chiều ngày 16/6/1957, tại hội trường lớn của tỉnh, với hơn 600 đại biểu cốt cán từ các cơ sở của tỉnh Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh, Bác đã ghi nhận công lao đóng góp của quân và dân Quảng Bình - Vĩnh Linh, đồng thời chỉ rõ 9 khiếm khuyết trong công tác xây dựng Đảng để nghiêm túc sửa chữa. Khắc phục 9 khiếm khuyết trong công tác xây dựng Đảng mà Bác nêu ra chính là Bác muốn gửi gắm đến toàn thể đảng viên Đảng bộ của tỉnh là đi theo Đảng để làm cách mạng, “Đảng làm cách mạng không có mục đích nào khác hơn và đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân”.

Khi nói về xây dựng và phát triển kinh tế, Bác căn dặn: “Đối với Quảng Bình, nghề biển, nghề rừng cũng quan trọng không kém nghề ruộng. Hơn nữa, Quảng Bình còn có những thứ đặc biệt mà các nơi khác trên miền Bắc ít có. Xưa nay Quảng Bình nghèo khổ là vì đế quốc phong kiến bóc lột kìm kẹp, vì chiến tranh tàn phá. Ngày nay, chúng ta đã có hòa bình để xây dựng xã hội; nếu biết dùng đúng và dùng tốt tài nguyên và lao động của mình thì Quảng Bình sẽ giàu có, không những đời sống nhân dân trong tỉnh được nâng lên mà còn đóng góp

một phần quan trọng cho Nhà nước”.⁽⁸⁾ Trong lời căn dặn này, rõ ràng Bác đã hiểu rất rõ đặc điểm vùng đất, tài nguyên thiên nhiên của Quảng Bình. Đó chính là sự chỉ bảo Quảng Bình muốn phát triển bền vững cần phải khai thác thế mạnh và phát triển đồng bộ: cả biển, cả rừng và cả đồng bằng. Đồng thời, Người còn chỉ rõ: “Hơn nữa, Quảng Bình còn có những thứ đặc biệt mà các nơi khác trên miền Bắc ít có” - đó phải chăng là sự tiên đoán về tiềm năng khai thác thế mạnh du lịch từ miền núi hiểm trở đầy hấp dẫn đối với du khách thế giới của các danh lam thắng cảnh của Quảng Bình mà hiện nay tỉnh đang tích cực triển khai thực hiện. Không những thế, Người còn chỉ ra tiềm năng của tỉnh Quảng Bình nếu Đảng bộ tỉnh biết khơi dậy, phát huy những lợi thế của vùng đất này: “nếu biết dùng đúng và dùng tốt tài nguyên và lao động của mình thì Quảng Bình sẽ giàu có”.

Khi nói chuyện với đồng bào đồng bào, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Quảng Bình và đoàn quân, dân, chính Đảng, khu vực Vĩnh Linh tập trung tại sân vận động thị xã Đồng Hới dự mít tinh, sau khi ghi nhận thành tích của đồng bào, Bác nêu lên 7 khiếm khuyết, trong đó khuyết điểm thứ 5 là “... có khuyết điểm không bảo vệ rừng, không tôn trọng pháp luật Nhà nước bảo vệ rừng.

Người ta thường nói: “miền Bắc mình có rừng vàng biển bạc. Phá rừng là hủy kho vàng của Nhà nước. Thế là không tốt”.⁽⁹⁾ Theo tinh thần của Bác “thuốc đắng già tật, nói thật mất lòng, nhưng có khuyết điểm ta cố gắng sửa. Sau khi sửa nó sẽ trở thành ưu điểm”.⁽¹⁰⁾ Như vậy, để nâng cao đời sống nhân dân miền núi, để khai thác tài nguyên thiên nhiên của địa phương cho đúng, đây cũng là một lời chỉ giáo

⁷ *Quảng Bình on Bác*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Tỉnh ủy, Ty Văn hóa Quảng Bình xuất bản năm 1985, tr.81-86.

⁸ *Quảng Bình on Bác*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Tỉnh ủy, Ty Văn hóa Quảng Bình xuất bản năm 1985, tr.22.

⁹ Dẫn theo: “Lược ghi bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch với đồng bào, cán bộ, bộ đội Quảng Bình - Vĩnh Linh tại sân vận động Đồng Hới, ngày 16/6/1957”.

¹⁰ Dẫn theo: “Lược ghi bài nói chuyện của Hồ Chủ tịch với đồng bào, cán bộ, bộ đội Quảng Bình - Vĩnh Linh tại sân vận động Đồng Hới, ngày 16/6/1957”.

không chỉ có giá trị đối với Quảng Bình trong những năm đầu xây dựng quê hương sau chiến tranh mà còn có giá trị định hướng cho đến hiện nay trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi không chỉ ở Quảng Bình, mà còn có giá trị đối với tất cả các địa phương có địa hình rừng núi trên cả nước.

Xác định nhiệm vụ trọng yếu của Quảng Bình trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước: “Quảng Bình cùng với Vĩnh Linh ở tuyến đầu miền Bắc, tiếp giáp với miền Nam, mọi việc làm tốt hay xấu của các cô, các chú ở đây đều có ảnh hưởng nhất định đến cách mạng miền Nam, đều có ảnh hưởng đến việc bảo vệ miền Bắc”.⁽¹¹⁾ Làm theo lời Bác, toàn thể Đảng bộ, quân và dân tỉnh Quảng Bình đã nỗ lực phấn đấu hy sinh, vượt qua bao gian nan thử thách, tay cày, tay súng, sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, lập công xuất sắc trên vị trí tuyến đầu của hậu phương miền Bắc, trở thành vùng đất anh hùng, đóng góp to lớn trong thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ khi hòa bình lập lại, đặc biệt từ khi bước vào công cuộc đổi mới, Quảng Bình đã từng bước hiện thực hóa mong muốn của Bác: “Bác về, Bác sẽ trở lại. Chỉ mong Đảng bộ và nhân dân Quảng Bình làm tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và những lời căn dặn của Bác”.⁽¹²⁾

2. Quảng Bình thực hiện chính sách dân tộc - miền núi theo lời Bác

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, nâng cao dần mức sống của đồng bào các dân tộc, trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt là khi bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách ưu tiên đối với đồng bào DTTS một cách đồng bộ và toàn diện trên tất cả các lĩnh

vực đời sống xã hội. Đồng thời, đã triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án đầu tư phát triển trên địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc.

Quảng Bình là tỉnh có 5.595 hộ với 23.036 khẩu người DTTS. Người Bru - Vân Kiều có 3.908 hộ với 16.435 khẩu (chiếm 70% dân số DTTS); dân tộc Chứt có 1.529 hộ, 5.872 khẩu (chiếm 27% dân số DTTS). Vùng DTTS và miền núi tỉnh Quảng Bình có 64 xã, thị trấn, gồm 28 xã vùng cao, 36 xã, thị trấn miền núi; có 1 huyện vùng cao, 1 huyện miền núi, 5 huyện, thị xã có miền núi với diện tích tự nhiên 6.649 km², chiếm trên 3/4 diện tích tự nhiên của tỉnh, trong đó có 44 xã đặc biệt khó khăn; 27 thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc 11 xã, thị trấn khu vực I và khu vực II được thụ hưởng Chương trình 135. Dân số vùng miền núi có 72.510 hộ với 288.396 khẩu. Ngoài ra còn có 155 hộ, 729 khẩu thuộc thành phần các DTTS khác như: Thái, Mường, Thổ, Tày, Nùng, Pa Cô, Ca Rai... (chiếm 3% dân số các DTTS). Vùng đồng bào DTTS không có các tôn giáo hoạt động. Tổng số hộ nghèo người DTTS là 4.302 hộ, chiếm 76,89% hộ DTTS; số hộ cận nghèo là 493 hộ, chiếm 8,81% số hộ DTTS.⁽¹³⁾ Khu vực cư trú chủ yếu của đồng bào DTTS là vùng miền núi - nơi có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế, đồng thời cũng là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái của tỉnh. Dân cư phân bố trên địa hình phần lớn là vùng núi cao có độ dốc lớn, bị chia cắt bởi hệ thống khe suối dày đặc, với các thung lũng nhỏ hẹp; khí hậu, thời tiết khắc nghiệt...⁽¹⁴⁾

Thực hiện lời căn dặn của Bác và quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn đặc điểm của địa phương, cùng với cả nước, khi bước vào công cuộc đổi

¹¹ Hồ Chí Minh Biên niên Tiểu sử, tập 6, Nxb CTQG, H, 2016, tr.376.

¹² Hồ Chí Minh Biên niên Tiểu sử, tập 6, Nxb CTQG, H, 2016, tr.378.

¹³ UBND tỉnh Quảng Bình (12/2016), Báo cáo Tổng kết công tác dân tộc năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017, tr.1.

¹⁴ UBND tỉnh Quảng Bình (9/2014), Tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào DTTS tỉnh Quảng Bình từ sau Đại hội lần thứ I đến nay, một số nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2019, tr.1.

mới, Đảng bộ tỉnh Quảng Bình đã ban hành nhiều chương trình, chính sách đối với vùng dân tộc thiểu số. Các cấp, các ngành tỉnh Quảng Bình đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; an ninh chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững; cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội đã được đầu tư tiếp tục phát huy hiệu quả; hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện được kiện toàn, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ý thức tự giác, sự nỗ lực vươn lên của đồng bào các dân tộc có sự chuyển biến tích cực hơn.

Phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS

Trong thời kỳ đổi mới, nhất là từ sau Đại hội IX của Đảng (2001), thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ đối với vùng đồng bào dân tộc xóa đói, giảm nghèo, vươn lên hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước. Do đó, kết cấu hạ tầng vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Bình được đầu tư tương đối đồng bộ từ “điện, đường, trường, trạm” đã tạo nên một diện mạo mới, tạo điều kiện quan trọng cho vùng DTTS phát triển. Trong 5 năm (từ 2009-2014), vùng đồng bào DTTS được đầu tư hơn 230 tỷ đồng, từ nguồn vốn của các chương trình, chính sách như 135, 134, định canh định cư, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và các nguồn vốn lồng ghép khác,... Chỉ tính riêng Chương trình 135, trong 5 năm đã đầu tư hơn 120 tỷ đồng, xây dựng 117 công trình hạ tầng thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, điện lưới, nước sạch,... Đến nay, 100% số xã vùng đồng bào DTTS có đường ô tô về trung tâm xã; các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trở thành mạng lưới giao thông thuận tiện, mở ra cơ hội giao thương giữa các vùng, miền; 100% số xã có trường tiểu học, trung học cơ sở và trạm y tế được xây dựng kiên cố (có 4 trạm đạt

chuẩn quốc gia); 100% xã phủ sóng phát thanh, truyền hình; mạng điện thoại di động và mạng internet đã về đến trung tâm xã; 88% xã có điện lưới quốc gia với tỷ lệ hộ dùng điện đạt trên 80%.⁽¹⁵⁾ Hệ thống chợ trung tâm cụm xã, chợ xã được đầu tư xây dựng tạo thuận lợi cho việc trao đổi, giao thương hàng hóa trong vùng.

Nhờ kết cấu hạ tầng kỹ thuật được tăng cường nên sản xuất của vùng đồng bào DTTS có bước phát triển khá hơn trước, nhất là sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Một bộ phận đồng bào đã chuyển đổi tập quán sản xuất từ sản xuất nương rẫy sang sản xuất thâm canh lúa nước, đặc biệt các tộc người như: Rục, Khùa, Mày, MaCoong, Mã Liêng,... trước đây chỉ biết “phát, đốt, cọt, tria”, thì nay đã biết cách thâm canh lúa nước. Số hộ đồng bào dân tộc làm ăn khá giỏi ngày càng tăng. Hiện có hơn 700 hộ làm ăn khá, giỏi (tăng 9,2% so với năm 2009), trong đó có trên 500 hộ có thu nhập trên 30 triệu đồng/năm, gần 200 hộ có thu nhập trên 70 triệu đồng/năm. Nhiều bản đã tổ chức tốt công tác định canh định cư, phát triển sản xuất, đời sống bà con được nâng lên, tiêu biểu là các bản Khe Khê, Cây Bông, Cồn Cùn (xã Kim Thủy), Tân Ly, Xà Khía (xã Lâm Thủy), Cửa Mọc, Khe Giữa (xã Ngân Thủy), Khe Dây (xã Trường Xuân), bản Sắt, Trung Sơn (xã Trường Sơn),...

Năm 2016, thực hiện Chương trình 135, tỉnh Quảng Bình đã được Trung ương giao 59,411 tỷ đồng, UBND tỉnh đã phân bổ nguồn vốn cho các huyện, xã đặc biệt khó khăn để triển khai thực hiện, cụ thể: Xây dựng cơ sở hạ tầng với 43,740 tỷ đồng bố trí cho 94 công trình; Hỗ trợ, phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn và thôn, bản đặc biệt khó khăn năm 2016 là 12,915 tỷ đồng, tập trung chủ yếu cho các nội dung hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ

¹⁵UBND tỉnh Quảng Bình (9/2014), Tổng kết phong trào thi đua yêu nước trong đồng bào DTTS tỉnh Quảng Bình từ sau Đại hội lần thứ I đến nay, một số nhiệm vụ chủ yếu đến năm 2019, tr.2-3.

xây dựng mô hình sản xuất; mua sắm thiết bị máy móc, công cụ sản xuất, chế biến sản phẩm. Duy tu bảo dưỡng các công trình đã có là 2,156 tỷ đồng, UBND các huyện đã bố trí duy tu bảo dưỡng cho 63 công trình đã triển khai thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng, giải ngân nguồn vốn đạt 100% kế hoạch. Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng 600 triệu đồng, Ban Dân tộc đã triển khai tập huấn được 19 lớp với khoảng 1.339 lượt người tham gia (ở tỉnh 1 lớp, ở huyện 6 lớp, ở xã 12 lớp) hiện nay cơ bản các lớp đã được triển khai thực hiện với kinh phí giải ngân đạt trên 95% so với kế hoạch.¹⁶ Tại các lớp tập huấn, các học viên được các giảng viên truyền đạt những nội dung cơ bản và hướng dẫn các cách thức tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình 135 và các chính sách dân tộc và miền núi tại địa phương... Những kiến thức, kỹ năng tổ chức điều hành và thực hiện Chương trình 135 đồng thời giúp cho cán bộ các xã và cán bộ thôn bản, người có uy tín nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mình trong việc tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình 135 nói riêng và các chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung.

Công tác giao đất giao rừng, hỗ trợ nhà ở, đào tạo nghề và xóa đói giảm nghèo cho đồng bào DTTS đạt được những kết quả tích cực

Đến nay nhiều hộ gia đình ở vùng đồng bào DTTS đã được nhận đất, nhận rừng, có 4.232 hộ đồng bào DTTS nhận đất lâm nghiệp với diện tích 15.995ha, trong đó đã giao 4.427ha đất có rừng tự nhiên cho cộng đồng quản lý; giao 3.251ha rừng cho 533 hộ khoán nuôi, bảo vệ... về cơ bản đã giải quyết được tình trạng thiếu đất sản xuất ở vùng đồng bào DTTS.

Công tác xóa nhà tạm, nhà ở dột nát cho các hộ được triển khai có hiệu quả. Từ năm 2009 đến nay, có hơn 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo được hỗ trợ nhà ở; công tác đào tạo nghề cho lao động vùng DTTS được quan tâm, có

hơn 1.500 lao động DTTS được đào tạo nghề (tăng 5,6%).

Công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả khá, tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS giảm bình quân 6%/năm. Nếu đầu năm 2011, tỷ lệ hộ nghèo ở các xã vùng DTTS là 69%, hộ cận nghèo 11%, thì đầu năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 51%, hộ cận nghèo là 28%. Nếu so với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh là 13,5% thì tỷ lệ hộ nghèo ở các xã đồng bào DTTS còn quá cao, tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của các xã đồng bào dân tộc thì đây là sự nỗ lực hết sức to lớn của cấp ủy, chính quyền cũng như sự nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe nhân dân, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc có nhiều tiến bộ

Đến nay, 100% xã hoàn thành phổ cập tiểu học, 95% xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở (tăng 1,25 lần so với năm 2009). Tỷ lệ huy động học sinh vào lớp 1 đạt trên 97%. Năm học 2013-2014, có hơn 5.500 học sinh DTTS theo học từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông (tăng 1,2 lần so với năm 2009), trong đó bậc tiểu học có 2.889 em, THCS có 2.130 em, THPT có 420 em.

Cùng với hệ thống trường phổ thông, các trường dân tộc nội trú được đầu tư xây dựng góp phần quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực vùng DTTS. Năm học 2013-2014, toàn tỉnh có 5 trường phổ thông dân tộc nội trú (1 trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, 4 trường PTDTNT huyện) với gần 1.200 học sinh (tăng 1,9 lần). Đến nay đã có 115 học sinh DTTS theo học ở các trường cao đẳng, đại học theo diện cử tuyển, trong đó có cả con em của một số tộc người trước đây hoàn toàn mù chữ như Ma Coong, Rục, Mã Liêng. Nhiều em trong số này ra trường đã được bố trí việc làm.

Mạng lưới y tế từng bước được mở rộng, phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho người

¹⁶UBND tỉnh Quảng Bình (12/2016), Báo cáo Tổng kết công tác dân tộc năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017, tr.5,6.

dân; có 118 cán bộ y tế đang công tác tại các trạm y tế xã (100% trạm xá có bác sỹ); trong đó có 22 cán bộ y tế là người dân tộc thiểu số (4 bác sỹ, 5 y sỹ, 8 y tá và 5 nữ hộ sinh); có 180 y tá thôn bản trực tiếp chăm sóc sức khỏe cho bà con ở các thôn bản; 100% hộ đồng bào DTTS được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được hỗ trợ một phần suất ăn trong quá trình điều trị; các chương trình y tế đã được triển khai đến các bản vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ mắc, tử vong do sốt rét hàng năm giảm; tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin cho trẻ đạt trên 95%. Các bệnh dịch như sốt rét, sốt xuất huyết, tả,... được khống chế có hiệu quả.

Thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xuất hiện nhiều điểm sáng trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở vùng cao, tiêu biểu như các bản Cây Bông, Khe Khế, Tân Ly, Khe Giữa (huyện Lệ Thủy); Khe Dây, Khe Cát, Sắt, Lâm Ninh (huyện Quảng Ninh); Lương Năng, Ông Tú, Y Leng, Bãi Dinh, La Trọng (huyện Minh Hóa). Đến nay có hơn 2.200 hộ được công nhận gia đình văn hóa, 22 bản được công nhận bản văn hóa cấp huyện (tăng 1,6 lần so với năm 2009), 65% thôn bản xây dựng được hương ước; công tác sưu tầm, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào được quan tâm, thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư xây dựng, một số lễ hội truyền thống của đồng bào được khôi phục,... đã từng bước góp phần nâng cao đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc.

Củng cố hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào DTTS

Đến nay, về cơ bản xóa được điểm trắng về tổ chức đảng và đảng viên. Từ năm 2009 đến nay đã kết nạp thêm 148 đảng viên, đưa tổng số đảng viên người DTTS lên 715 người (tăng gần 26%). Có 60 đảng viên người DTTS tham gia Cấp ủy cơ sở, 118 người tham gia Chi ủy trực thuộc. Có 186 đại biểu hội đồng nhân dân các cấp là người DTTS, chiếm 4,3% (cấp tỉnh 1, cấp huyện 6 và 179 đại biểu cấp xã). Có 231 già làng, trưởng bản, người có uy tín và cá nhân tiêu biểu tham gia Ủy ban mặt trận các

cấp (cấp tỉnh 06 người, cấp huyện 16 người, cấp xã 209 người).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người DTTS được quan tâm. Có 119 cán bộ, công chức cấp xã là người DTTS, trong đó hơn 36% có trình độ học vấn bậc trung học cơ sở, gần 50% trình độ học vấn bậc trung học phổ thông; về chuyên môn có hơn 20% có trình độ trung cấp, hơn 14% có trình độ đại học; về lý luận chính trị: hơn 6,7% có trình độ cử nhân, cao cấp, hơn 10% trình độ trung cấp. Các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở được củng cố, công tác phát triển đoàn viên, hội viên được quan tâm, đến nay có 107/107 thôn bản có tổ chức các hội, đoàn thể.

Giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn vùng đồng bào DTTS

Đồng bào DTTS nói chung và các xã biên giới nói riêng đã tích cực tham gia phong trào bảo vệ cột mốc, đường biên, cung cấp cho các cơ quan chức năng nhiều nguồn tin quan trọng trong việc đấu tranh, ngăn chặn vận chuyển ma túy, vật liệu nổ qua biên giới, vượt biên trái phép. Dân quân và đồng bào DTTS các xã biên giới cùng với bộ đội biên phòng tổ chức hàng trăm lần phát quang đường biên giới, mốc giới; vận chuyển hàng tấn vật liệu đê đúc, cắm biển báo “Khu vực biên giới, vành đai biên giới” và các công trình phòng thủ biên giới. Vai trò của đội ngũ người có uy tín, già làng, trưởng bản, trưởng các dòng họ được phát huy, góp phần tích cực trong thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Nhiều người có uy tín đã thực sự trở thành trung tâm đoàn kết các dân tộc, là chỗ dựa tinh thần của bà con dân bản, tiêu biểu như ông Hồ Pung (xã Trọng Hóa), ông Cao Tiên Thuýnh (xã Thượng Hóa), Cao Quý Nhèng, Hồ Boông (xã Dân Hóa), ông Cao Dụng (xã Lâm Hóa), ông Đinh Xầm (xã Thượng Trạch), ông Hồ Tư, ông Hồ Thao (xã Trường Xuân), ông Hồ Xen (xã Trường Sơn), ông Hồ Văn Bạch, Hồ Chờ (xã Kim Thủy), Hồ Bình Hiền (xã Ngân Thủy), ông Hoàng Bảo (xã Lâm Thủy)... và nhiều người có uy tín tiêu biểu khác.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Bình vẫn còn những khó khăn, thách thức, đó là: kinh tế hàng hóa chậm phát triển, kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc còn chiếm vai trò rất lớn trong đời sống; dân trí thấp, một số tập tục lạc hậu vẫn còn tồn tại, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào DTTS có nguy cơ bị mai một. Kết cấu hạ tầng ở các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, điện sinh hoạt, nước sạch, trường học đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Hệ thống chính trị cơ sở ở một số vùng đồng bào DTTS còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực thấp, lực lượng lao động phần lớn chưa qua đào tạo; hệ thống y tế còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ và chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho đồng bào; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng vẫn còn cao; đời sống của đồng bào còn rất khó khăn, sự chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các tộc người còn lớn... Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS còn cao so với bình quân chung của tỉnh, kết quả giảm nghèo chưa vững chắc, số hộ có nguy cơ tái nghèo còn cao.

Những hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau: đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn có địa hình hiểm trở, chia cắt, thường xuyên chịu ảnh hưởng khắc nghiệt của thiên nhiên, hạn hán, lũ lụt... đất canh tác manh mún, giao thông đi lại khó khăn, dân cư phân tán, đồng bào ít có cơ hội tiếp xúc, giao lưu với các vùng phát triển. Nguồn lực đầu tư còn thấp, dàn trải, nặng tính hỗ trợ, do đó chưa tạo ra được tính đột phá để thúc đẩy phát triển. Một số chính sách được ban hành nhưng chậm bổ sung điều chỉnh trong khi thực tế cuộc sống đã thay đổi, do đó chưa phát huy hiệu quả. Nhận thức về công tác dân tộc của một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thật sự đầy đủ và toàn diện. ...

Xuất phát từ thành công và những hạn chế yếu kém trong quá trình triển khai thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của địa

phương, tỉnh Quảng Bình cần tiếp tục tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh và triển khai sâu rộng chương trình “Xóa đói giảm nghèo”, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, trong những năm trước mắt tập trung trợ giúp đồng bào nghèo, đồng bào các DTTS đặc biệt khó khăn.

- Tạo cơ chế, điều kiện phát triển hàng hóa phù hợp với đặc điểm, lợi thế từng vùng dân tộc. Khuyến khích đồng bào các dân tộc khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương làm giàu cho mình và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biên cương.

- Ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục và đào tạo, coi trọng đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức DTTS.

- Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các DTTS góp phần xây dựng nền văn hóa đa dạng, phong phú, giàu bản sắc dân tộc.

Sáu thập kỷ qua, thấm nhuần lời căn dặn của Bác, với sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước, sự vận dụng sáng tạo, sát sao, cụ thể của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Quảng Bình, cùng với tinh thần nỗ lực, cố gắng của đồng bào các dân tộc, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh đã có bước chuyển biến, tiến bộ đáng kể, cuộc sống của đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu từng bước được cải thiện rõ rệt, quyền của các DTTS được bảo đảm đầy đủ và toàn diện; đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, tích cực phát huy truyền thống cách mạng, yêu nước, tinh thần đoàn kết để xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh, ấm no, hạnh phúc. Điều đó đã góp phần hiện thực hóa lời căn dặn của Bác: *“Đảng phải biết quan tâm đầy đủ đến đời sống quần chúng, nên chú ý đến cuộc sống của đồng bào miền núi”* và *“Đảng làm cách mạng không có mục đích nào khác hơn là đem lại đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân”* ■